

Số: 639/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 02 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu  
đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 160/TTr-SXD ngày 12/01/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính sau:

#### 1. Phạm vi, ranh giới, tỷ lệ và thời hạn lập quy hoạch

##### 1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Vĩnh Cửu, có diện tích tự nhiên khoảng 1.095,7121 km<sup>2</sup> (khoảng 109.571,21 ha), với 12 đơn vị hành chính trực thuộc (thị trấn Vĩnh An, các xã: Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân, Tân An, Trị An, Vĩnh Tân, Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý); có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc : Giáp huyện Đông Phú và Bù Đăng tỉnh Bình Phước;
- Phía Nam : Giáp thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom;
- Phía Đông : Giáp huyện Định Quán và huyện Tân Phú;
- Phía Tây : Giáp huyện huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương.

##### 1.2. Giai đoạn lập quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn : Đến năm 2020.
- Giai đoạn dài hạn : Đến năm 2030.
- Tầm nhìn : Đến năm 2050.

1.3. Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

## **2. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch**

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh.

- Định hướng phát triển không gian toàn huyện bao gồm không gian xây dựng đô thị, nông thôn và các khu chức năng đặc thù theo hướng gắn kết hài hòa để huyện Vĩnh Cửu trở thành một vùng không gian lãnh thổ phát triển bền vững có chất lượng sống tốt.

- Làm cơ sở để chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền trong việc triển khai lập các đồ án quy hoạch xây dựng, lập các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển.

- Làm công cụ quản lý phát triển kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

## **3. Tính chất, chức năng vùng huyện Vĩnh Cửu**

- Là vùng phát triển đô thị gắn với phát triển nông lâm nghiệp kết hợp công nghiệp và dịch vụ du lịch;

- Là khu vực rừng đầu nguồn phòng hộ cho hồ thủy điện Trị An, sông Đồng Nai, vành đai xanh nông, lâm nghiệp của tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam;

- Là vùng bảo vệ và phát triển rừng theo hướng đa mục tiêu, đặc biệt là khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai;

- Là vùng trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái, cảnh quan rừng, mặt nước và bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên rừng.

## **4. Tầm nhìn đến năm 2050**

- Là vùng nông nghiệp, bảo tồn thiên nhiên kết hợp sinh thái du lịch nghỉ dưỡng. Bảo vệ tài nguyên nước và rừng, hạn chế các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gây ô nhiễm môi trường;

- Huyện Vĩnh Cửu đóng vai trò là vùng phát triển du lịch sinh thái rừng đặc trưng, du lịch lịch sử, văn hóa đặc sắc; vùng bảo vệ nguồn nước, rừng cảnh quan và sự đa dạng sinh học;

- Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái và vùng nông lâm nghiệp hiện đại phát triển cân bằng và bền vững.

- Là vùng có chất lượng cuộc sống tốt, hài hòa thân thiện với môi trường.

## **5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng**

### **5.1. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội:**

Căn cứ theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2010 - 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 28/12/2011.

### **5.2. Dự báo phát triển dân số:**

Dân số hiện trạng năm 2015 khoảng 146.360 người, dự báo:

- Dân số toàn huyện:
  - + Đến năm 2020: Khoảng 155.000 – 160.000 người.
  - + Đến năm 2025: Khoảng 165.000 – 170.000 người.
  - + Đến năm 2030: Khoảng 175.000 – 180.000 người.
- Dân số thành thị:
  - + Năm 2020: Khoảng 35.000 người.
  - + Năm 2030: Khoảng 120.000 người.
- Dân số nông thôn:
  - + Năm 2020: Khoảng 120.000 - 125.000 người.
  - + Năm 2030: Khoảng 55.000 - 60.000 người.

### 5.3. Dự báo phát triển đô thị:

Đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu có 3 đô thị trong đó:

- Đô thị Vĩnh An (thị trấn Vĩnh An - đô thị hành chính - đô thị loại V).
- Đô thị Thạnh Phú (đô thị công nghiệp - đô thị loại V).
- Đô thị Phú Lý (đô thị du lịch - đô thị loại V).

### 5.4. Dự báo nhu cầu, cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện: Khoảng 109.571,12ha.
- Đất xây dựng đô thị:
  - + Năm 2015: Khoảng 390 ha.
  - + Năm 2020: Khoảng 450 - 550 ha.
  - + Năm 2030: Khoảng 1900 - 2000 ha.

- Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực. Cụ thể:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Dân số toàn huyện	Ngàn người	146,36	155 - 160	165 - 170	175- 180
2	Đất xây dựng đô thị	ha	390	450 - 550	550 - 650	1900 - 2000
3	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị	m <sup>2</sup> /người	150 - 160	180 - 190	180 - 190	160 - 170
4	Loại đô thị	Loại				
	Đô thị Vĩnh An			V	V	IV
	Đô thị Thạnh Phú					V
	Đô thị Phú Lý					V
5	Chỉ tiêu cấp điện					
	Đô thị Vĩnh An	W/người		200	200	330
	Đô thị Thạnh Phú	W/người			200	330
	Đô thị Phú Lý	W/người			200	330
	Các khu trung tâm xã	W/người			200	330
	Công nghiệp	kw/ha		50 - 200	50 ÷ 200	50 ÷ 200
	Công cộng - Dịch vụ	kw/ha		80 - 100	60	100
6	Chỉ tiêu cấp nước					
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngđ				

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	- Đô thị Vĩnh An			≥80	≥100	≥100
	- Đô thị Thạnh Phú			≥80	≥100	≥100
	- Đô thị Phú Lý			≥80	≥100	≥100
	- Các khu trung tâm xã			≥80	≥80	≥80
	Công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha.ngđ		22 - 45	22 - 45	22 - 45
	Du lịch	m <sup>3</sup> /ha.ngđ		5 - 10	5 - 10	5 - 10
	Công cộng - Dịch vụ	%Qsh		10	10	10
7	<b>Chỉ tiêu thoát nước</b>	%			80	100
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngđ				
	- Đô thị Vĩnh An			80%Qc	80%Qc	80%Qc
	- Đô thị Thạnh Phú			80%Qc	80%Qc	80%Qc
	- Đô thị Phú Lý			80%Qc	80%Qc	80%Qc
	- Các khu trung tâm xã			80%Qc	80%Qc	80%Qc
	Công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha.ngđ		80%Qc	80%Qc	80%Qc
	Du lịch	m <sup>3</sup> /ha.ngđ		80%Qc	80%Qc	80%Qc
	Công cộng - Dịch vụ	%Qsh		80%Qc	80%Qc	80%Qc

## 6. Định hướng phát triển không gian vùng

### 6.1. Mô hình, cấu trúc không gian vùng:

- Xây dựng mô hình phát triển vùng huyện Vĩnh Cửu theo mô hình trung tâm các tiểu vùng (phân bố hợp lý các khu vực trung tâm nhằm tạo động lực phát triển hài hòa, giảm khoảng cách giữa các vùng); phát triển xanh, bền vững, bảo tồn và phát huy các giá trị thiên nhiên, hiệu quả trong khai thác các tiềm năng thế mạnh của khu vực để phát triển kinh tế xã hội.

- Chú trọng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch, là một trong những nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; phát triển du lịch sinh thái rừng đặc trưng, du lịch lịch sử, văn hóa đặc sắc.

- Giữ vững vai trò, vị trí quan trọng về quốc phòng và bảo vệ tài nguyên môi trường (bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường nước đầu nguồn) trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Khung phát triển giao thông vùng huyện Vĩnh Cửu dựa trên định hướng phát triển các trục hướng tâm, các trục vành đai, đảm bảo kết nối đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng tỉnh Đồng Nai:

+ Đường vành đai thành phố Biên Hòa và đường vành đai 4 kết nối huyện Vĩnh Cửu với các trục giao thông chính như Quốc lộ 1A, cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; các đô thị lớn trong tỉnh (thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, thị trấn Long Thành), các đô thị lớn ngoài tỉnh như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương.

+ Trục hành lang: Đường ĐT.776, đường ĐT.762, đường ĐT 767, ĐT 768,... nối các tiểu vùng trong huyện Vĩnh Cửu, kết nối Vĩnh Cửu với các tuyến giao thông quan trọng của vùng như QL20 và QL1A.

+ Trục hành lang kinh tế đường thủy: Hệ thống sông Đồng Nai kết nối Vĩnh Cửu với thành phố Biên Hòa và các tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

## 6.2. Phân vùng kiểm soát quản lý phát triển

- Cấu trúc không gian các vùng đô thị được chia thành 03 vùng phát triển:

+ Vùng I : Vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ (trong đó bao gồm 02 tiểu vùng, trung tâm vùng là đô thị Thạnh Phú).

+ Vùng II: Vùng đô thị - hành chính - dịch vụ du lịch (trong đó bao gồm 02 tiểu vùng, trung tâm vùng là đô thị Vĩnh An).

+ Vùng III : Vùng sinh thái - du lịch phía Bắc (trong đó bao gồm 03 tiểu vùng, trung tâm vùng là đô thị Phú Lý).

- Vùng cảnh quan, không gian mở:

+ Vùng cảnh quan sông nước: Gồm hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An, đây là hệ thống sông, hồ phục vụ giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái.

+ Vùng cảnh quan sinh thái rừng: Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai, vùng lâm nghiệp rừng trồng.

- Vùng hạn chế và cấm xây dựng:

+ Hạn chế xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng của khu bảo tồn thiên nhiên (Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn vùng nước ngập hồ Trị An - sông Đồng Nai), khu vực hành lang bảo vệ xung quanh hồ Trị An và dọc sông Đồng Nai; khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng của tỉnh để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước.

+ Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ an toàn sân bay Biên Hòa (thuộc các xã Bình Hòa, Tân Bình, Thạnh Phú); các khu đất quốc phòng, an ninh; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, không ổn định nền đất.

+ Cấm xây dựng trong khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên, khu vực rừng nguyên sinh trong vùng lõi Khu bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai.

## 6.3. Định hướng tổ chức phát triển không gian vùng đến năm 2030

a. Vùng I: Vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ:

- Bao gồm 6 xã tiếp giáp với thành phố Biên Hòa: Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiệu Tân và Tân An.

- Quy mô diện tích: Khoảng 12.280 ha.

- Quy mô dân số: Khoảng 85.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là đô thị Thạnh Phú.

- Định hướng phát triển theo hướng công nghiệp - dịch vụ, đô thị mới, kết hợp du lịch sinh thái làng bưởi Tân Triều và du lịch dọc sông Đồng Nai.

- Tiềm năng của vùng:

+ Là vùng phát triển kinh tế chủ lực của vùng huyện Vĩnh Cửu, có vị trí tiếp giáp thành phố Biên Hòa, tốc độ đô thị hóa cao, tạo động lực để hình thành đô thị mới. Đã hình thành và đi vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp (Khu công nghiệp Thạnh Phú, cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiệu Tân,...) là tiền đề để hình thành phát triển các khu đô thị mới.

+ Phát triển thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái: Khai thác cảnh quan ven sông Đồng Nai, du lịch tham quan các di tích văn hóa lịch sử, ....

+ Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Hình thành các vùng trái cây, rau xanh, ứng dụng công nghệ cao.

- Phân chia tiểu vùng

+ Tiểu vùng 1 : Bao gồm xã Bình Hòa, xã Bình Lợi và xã Tân Bình với tiềm năng phát triển du lịch và nông nghiệp - dịch vụ với các vườn cây ăn trái là đặc sản của vùng.

+ Tiểu vùng 2 : Bao gồm xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân và xã Tân An với tiềm năng chủ yếu phát triển công nghiệp, khai thác các mỏ khoáng sản, các dịch vụ đô thị và một phần phát triển về nông nghiệp.

b. Vùng II: Vùng đô thị - hành chính - dịch vụ du lịch

- Bao gồm xã Trị An, Vĩnh Tân, thị trấn Vĩnh An.

- Quy mô diện tích: Khoảng 7.476 ha.

- Quy mô dân số khoảng: 60.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là đô thị Vĩnh An.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển nông nghiệp, phát triển đô thị hiện hữu theo hướng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - du lịch và hành chính.

- Tiềm năng của vùng: Vùng phát triển nông nghiệp chất lượng cao kết hợp với phát triển thương mại dịch vụ, du lịch và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phân chia tiểu vùng:

+ Tiểu vùng 1 (phía Bắc): Thị trấn Vĩnh An (là khu trung tâm hành chính huyện) với các trục đường tỉnh 762, 767, 768 đi qua, thuận lợi giao thông kết nối; phát triển về văn hóa, dịch vụ, du lịch sinh thái cảnh quan rừng, cảnh quan hồ.

+ Tiểu vùng 2 (phía Nam) : Phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp, cụm công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp.

c. Vùng III : Vùng sinh thái – du lịch phía Bắc

- Bao gồm toàn bộ diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, xã Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm.

- Quy mô diện tích: Khoảng 89.815 ha,

- Quy mô dân số khoảng: 35.000 người.

- Định hướng phát triển vùng là thực hiện chức năng bảo tồn Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, bảo tồn môi trường nước hồ Trị An và xây dựng đô thị Phú Lý đạt loại V vào năm 2030.

- Tiềm năng của vùng: Là vùng bảo tồn thiên nhiên văn hóa thuận lợi phát triển du lịch, văn hóa di tích lịch sử, dịch vụ nghỉ dưỡng. Đất đai thuận lợi phát triển lâm nghiệp và nông nghiệp, với nguồn nước mặt phong phú (hồ Trị An và sông Đồng Nai) thuận lợi phát triển về nông nghiệp cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản.

- Phân chia tiểu vùng:

+ Tiểu vùng 1 (Vùng bảo tồn thuộc xã Mã Đà, Phú Lý và Hiếu Liêm): Bao gồm toàn bộ khu rừng bảo tồn thiên nhiên và văn hóa Đồng Nai, khu vực hạn chế phát triển, với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ cho việc kết nối khu dân cư xã Phú Lý, Mã Đà và các dịch vụ về du lịch.

+ Tiểu vùng 2 (khu đô thị Phú Lý): Bao gồm khu vực dân cư thuộc xã Phú Lý, định hướng phát triển về nông nghiệp, các dịch vụ về du lịch sinh thái rừng, cảnh quan ven hồ.

+ Tiểu vùng 3 (xã Hiếu Liêm): Bao gồm khu vực dân cư thuộc xã Hiếu Liêm, định hướng phát triển về nông nghiệp tập trung và dịch vụ du lịch sinh thái ven hồ, sông Đồng Nai, ...

## **7. Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển**

### **7.1. Phân bố các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

- Đến năm 2030, không gian phát triển công nghiệp vùng huyện Vĩnh Cửu có quy mô khoảng 700 ha, bao gồm 01 khu công nghiệp, khoảng 09 cụm công nghiệp (trong đó có 06 cụm thuộc quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, 03 cụm dự kiến đề xuất bổ sung thêm nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển của địa phương và tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội của huyện), 01 cụm cơ sở ngành nghề địa phương. Cụ thể:

+ Khu công nghiệp Thạnh Phú, quy mô khoảng 177,2ha.

+ Cụm công nghiệp: 06 cụm công nghiệp theo quy hoạch, gồm: Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân (khoảng 96,6 ha); Cụm công nghiệp Trị An (khoảng 48,8 ha); Cụm công nghiệp Vĩnh Tân (khoảng 50 ha); Cụm công nghiệp Tân An (khoảng 50ha); Cụm công nghiệp Thiện Tân (khoảng 50 ha, giai đoạn 2 mở rộng thành 75ha); Cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Tân An 1 (khoảng 50 ha). 03 cụm dự kiến đề xuất bổ sung thêm, gồm: 02 cụm công nghiệp tại xã Tân An (mỗi cụm khoảng 50ha); Cụm công nghiệp tại thị trấn Vĩnh An (khoảng 50ha).

+ Cụm cơ sở ngành nghề đúc gang tại xã Tân An, quy mô khoảng 4,8 ha.

### **7.2. Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan**

- Đẩy mạnh khai thác hiệu quả các tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, cảnh quan ven sông Đồng Nai, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn sự đa dạng sinh học..., thu hút các dự án phục vụ du lịch sinh thái, du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lịch sử, tham quan làng nghề...

- Định hướng không gian phát triển du lịch:

+ Phát triển không gian điểm du lịch quốc gia hồ Trị An - Mã Đà: Phát triển khu dịch vụ ven hồ và các đảo trên hồ, đầu tư đường ven hồ và các sản phẩm để phục vụ khách du lịch, xây dựng đảo Ó, đảo Đồng Trường trở thành trung tâm du lịch sinh thái trên hồ.

+ Phát triển các khu vực tham quan du lịch sinh thái kết hợp với nghiên cứu khoa học thuộc khu vực phân khu phục hồi sinh thái thuộc tiểu khu 13, 13B, 32, 33, 40....

+ Phát triển các điểm tham quan du lịch gắn liền với di tích lịch sử cách mạng, phong tục tập quán văn hóa của các cộng đồng dân tộc trong vùng, cụ thể: Di tích lịch sử Khu ủy miền Đông Nam bộ, Di tích Trung ương Cục miền Nam, Di tích căn cứ Ban Thông tin miền Đông Nam bộ (Địa đạo Suối Linh).

+ Các tuyến du lịch gồm: Tuyến liên vùng, liên tỉnh đặc biệt là tuyến du lịch ven sông Đồng Nai và tuyến nội vùng.

### 7.3. Phân bố các vùng phát triển nông nghiệp:

a. Vùng trồng trọt: Được tập trung xây dựng theo mô hình cánh đồng lớn.

- Vùng trồng cây ăn trái phục vụ du lịch đường sông tại xã Bình Hòa, Tân Bình, Thiện Tân, Tân An, Trị An, Hiếu Liêm, Bình Lợi sản xuất theo hướng chất lượng cao, tiêu chuẩn GAP.

- Vùng trồng cây hàng năm (bắp, khoai mì...): Chuyển đổi một phần diện tích đất trồng lúa ở các xã phía Nam: Bình Hoà, Bình Lợi, Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân và một phần diện tích đất trồng lúa 01 vụ/ha sản xuất không hiệu quả ở các xã phía Bắc sang trồng cây hàng năm như hoa cảnh, rau hữu cơ...

- Vùng trồng bưởi khoảng 480ha tại các xã: Tân Bình, Bình Lợi, Tân An.

- Vùng trồng xoài khoảng 1.600 – 2.000 ha tại các xã: Mã Đà, Phú Lý.

- Vùng trồng cam, quýt khoảng 350 ha tại các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm.

- Vùng trồng chuối khoảng 50 ha tại xã Hiếu Liêm.

- Vùng trồng rau an toàn khoảng 30 ha tại các xã: Vĩnh Tân, Tân An.

- Vùng trồng lúa sạch 3 vụ khoảng 530 ha tại các xã: Bình Hòa, Bình Lợi, Tân An.

- Vùng trồng mía khoảng 160 ha tại các xã: Hiếu Liêm, Phú Lý.

b. Vùng lâm nghiệp:

- Tổng diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2020 khoảng 69.322ha. Phần đất lâm nghiệp nằm trong Khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai nay là một bộ phận của khu dự trữ sinh quyển với chức năng rừng đặc dụng và phòng hộ, chủ yếu phục vụ mục tiêu bảo tồn. Phần diện tích rừng sản xuất phân bố ở các xã nằm ngoài ranh Khu bảo tồn.

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng:

+ Đối với phát triển rừng đặc dụng: Bảo tồn nguyên trạng; việc phục hồi hệ sinh thái trong khu rừng đặc dụng phải tôn trọng diễn thế tự nhiên, khoanh nuôi và tái sinh tự nhiên, hạn chế trồng lại rừng.

+ Đối với phát triển rừng sản xuất: Theo hướng thâm canh, coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; cung cấp nguyên liệu giấy, ván nhân tạo, nguyên liệu gỗ gia dụng, gỗ xây dựng; các loài cây đặc sản, cây công nghiệp.

c. Vùng nuôi trồng thủy sản:

- Đầu tư thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích chuyên nuôi thủy sản, trên cơ sở bảo đảm vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước.

- Quy hoạch nuôi cá ao hồ nhỏ bố trí tại khu vực thị trấn Vĩnh An và các xã Vĩnh Tân, Thiện Tân, Mã Đà, Tân An, Phú Lý. Diện tích nuôi cá mặt nước lớn



khoảng 425ha, bao gồm: Hồ Mo Nang (khoảng 28ha) và hồ Bà Hào (khoảng 397ha).

d. Vùng chăn nuôi:

- Định hướng phát triển 11 vùng phát triển chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện với tổng diện tích khoảng 1.185 ha tập trung tại các xã: Tân An, Trị An, Vĩnh Tân, Phú Lý, Hiếu Liêm.

- Thực hiện lộ trình sắp xếp các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo hướng duy trì 02 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Thanh Phú và thị trấn Vĩnh An, 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm vệ tinh tại xã Phú Lý hiện có; dự kiến phát triển thêm 01 điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Tân An.

## **8. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn**

8.1. Định hướng phát triển đô thị:

- Năm 2015 - 2030, huyện Vĩnh Cửu có 01 đô thị: Đô thị Vĩnh An hiện hữu, nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đáp ứng tiêu chuẩn, lộ trình nâng loại đô thị lên loại IV.

- Năm 2030, huyện Vĩnh Cửu có 03 đô thị: Đô thị Vĩnh An và hình thành 02 đô thị là đô thị Thanh Phú, đô thị Phú Lý.

a. Đô thị Vĩnh An (đô thị loại IV vào năm 2030):

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 40.000 - 50.000 người.

- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030: Khoảng 680 ha.

- Tính chất và chức năng đô thị: Là đô thị hiện hữu, nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đáp ứng tiêu chuẩn, lộ trình nâng loại đô thị lên loại IV; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của huyện Vĩnh Cửu; là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái cảnh quan rừng, hồ của vùng tỉnh Đồng Nai và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

b. Đô thị Thanh Phú (đô thị loại V hình thành vào năm 2030):

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 70.000 người.

- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị năm năm 2030: Khoảng 1.040 ha.

- Tính chất và chức năng đô thị: Là đô thị loại V, đô thị công nghiệp, dịch vụ của huyện Vĩnh Cửu.

c. Đô thị Phú Lý (đô thị loại V hình thành vào năm 2030):

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030: 10.000 - 16.000 người.

- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030: Khoảng 200 ha.

- Tính chất và chức năng đô thị: Là đô thị loại V, đô thị du lịch sinh thái cảnh quan rừng tự nhiên, hồ Trị An; trung tâm du lịch sinh thái đặc trưng rừng cảnh quan quốc gia và quốc tế, trung tâm nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học.

8.2. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn:

- Theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện, xác định có 65 điểm dân cư nông thôn với quy mô diện tích khoảng 2.065ha, dân số đến năm 2030 khoảng Khoảng 55.000 - 60.000 người. Cụ thể:

Stt	Xã	Số điểm dân cư nông thôn	Diện tích (ha)
1	Bình Hòa	06	94
2	Bình Lợi	05	148
3	Tân Bình	03	272
4	Thiện Tân	08	261
5	Tân An	06	230
6	Vĩnh Tân	06	208
7	Trị An	06	235
8	Hiếu Liêm	07	188
9	Mã Đà	04	184
10	Phú Lý	09	153
11	Thanh Phú	05	92

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội, kỹ thuật theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xây dựng nông thôn”, “Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn” do Bộ Xây dựng ban hành năm 2009.

- Mỗi xã có khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung, các công trình hành chính, cơ quan, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ,...

- Đối với những khu vực nông thôn ổn định lâu dài tiếp tục phát triển theo mô hình nông thôn mới; những khu vực nông thôn có khả năng đô thị hóa cao sẽ phát triển hợp lý trên cơ sở phù hợp với lộ trình và các yêu cầu đô thị hóa.

- Bảo tồn phát huy các giá trị công trình di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, cảnh quan truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện.

- Phát triển hạ tầng nông thôn như các tuyến đường nông thôn, cấp điện nông thôn nhằm thúc đẩy sản xuất nông thôn phát triển, nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, khả năng lưu thông hàng hóa nông nghiệp.

- Cải thiện, hoàn thiện hệ thống cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, thoát nước thải, thu gom rác thải đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, môi trường sống tại khu vực nông thôn.

## **9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội**

### **9.1. Hệ thống y tế:**

- Xã hội hóa ngành y tế, phát triển mạnh các bệnh viện ngoài công lập, y tế cơ sở trong toàn Huyện.

- Phát triển mạng lưới y tế hiện đại, chất lượng dịch vụ cao, trở thành trung tâm của vùng Huyện tại thị trấn Vĩnh An và xã Thanh Phú.

- Nâng cấp các trạm y tế xã, tăng cường trang thiết bị và cán bộ y tế cho tuyến xã, duy trì thường xuyên 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã (bao gồm: 10 tiêu chí với 50 chỉ tiêu, ban hành theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ Y tế). Phát triển mạng lưới y học cổ truyền, triển khai thực hiện tốt các chính sách về y tế cho người nghèo.

### **9.2. Hệ thống giáo dục, đào tạo:**

- Thực hiện tốt chủ trương đổi mới về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện từ mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp.

- Xã hội hóa giáo dục đào tạo, phát triển giáo dục và đào tạo góp phần tạo động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng huyện Vĩnh Cửu.

- Đào tạo các ngành kinh tế - kỹ thuật đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

### 9.3. Hệ thống văn hóa, thể dục thể thao:

- Đẩy mạnh thu hút xây dựng cơ sở vật chất công trình văn hóa và thể dục thể thao theo hướng xã hội hóa.

- Tập trung đầu tư xây dựng các công trình văn hóa – thể dục thể thao tại các xã nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh của nhân dân.

- Xây dựng, bổ sung, nâng cấp các hạng mục trong khu thiết chế văn hóa cấp huyện đã được quy hoạch trong tổng thể.

- Thực hiện thường xuyên công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn để giáo dục truyền thống và kết hợp văn hóa với du lịch.

- Thiết chế văn hóa thể thao cơ sở: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao từ tuyến xã đến ấp. Phân đầu đến năm 2020, 100% xã, thị trấn có trung tâm văn hóa – thể thao kết hợp học tập cộng đồng và 100% ấp, khu phố có nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp, khu phố.

### 9.4. Hệ thống thương mại, dịch vụ:

- Xã hội hoá ngành thương mại – dịch vụ với nhiều thành phần kinh tế tham gia; khuyến khích phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các loại hình thương mại và dịch vụ chất lượng cao. Phát triển lĩnh vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao như dịch vụ vận tải - kho bãi, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, tài chính - tín dụng, du lịch.

- Phát triển các trung tâm thương mại tại trung tâm vùng, các tiểu vùng.

- Các dự án thương mại - dịch vụ: Xây dựng các trung tâm thương mại tại thị trấn Vĩnh An, xã Thạnh Phú, xã Tân An, xây dựng các chợ nông thôn tại các xã: Trị An, Bình Hòa.

### 9.5. Hệ thống trung tâm chuyên ngành

- Thủy điện Trị An.

- Nhà máy nước Thiện Tân.

- Khu bảo tồn Thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai.

- Di tích lịch sử Chiến khu Đ.

- Di tích lịch sử Trung ương cục Miền Nam.

## 10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 10.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật đất:

- Cao độ khống chế nền xây dựng phải đảm bảo không bị ngập lụt, không bị ảnh hưởng của triều cường, đồng thời vẫn giữ được cảnh quan thiên nhiên, tránh đào đắp nhiều và tạo điều kiện thoát nước tốt. Cao độ khống chế xây dựng phải cao hơn mực nước ngập lụt tính toán tối thiểu 0,5m.

- Cao độ san nền được tính toán cho từng khu vực có dự báo, ứng phó với biến đổi khí hậu do nước biển dâng.

- Giải pháp san nền cục bộ đối với các khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung tại khu vực xây dựng mới đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt khống chế.

- Đối với các khu dân cư, các khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch, duyệt dự án thì cốt nền tuân thủ theo cốt được phê duyệt.

#### 10.2. Giải pháp quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm thoát nước mưa trên toàn lưu vực dự kiến quy hoạch ra các hồ, sông, suối hoặc trực tiêu thủy lợi....; hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và tự chảy.

- Phân lưu vực tiêu thoát nước chính trên cơ sở định hướng san nền để tổ chức thoát nước vào hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tiêu thủy lợi hiện có và thoát ra các suối, mương chính, hồ và sông Đồng Nai.

- Xây dựng hệ thống mương, cống dọc các tuyến đường qua khu vực dân cư hiện hữu chưa có hệ thống thoát nước.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải trong các khu dân cư và khu công nghiệp quy hoạch mới.

- Đối với các vùng nông nghiệp, vùng trồng rừng hệ thống thoát nước mặt chủ yếu tận dụng địa hình tự nhiên.

- Bảo vệ, cải tạo thường xuyên các tuyến mương, cống thoát nước; nạo vét định kỳ và xây dựng kè bờ, đê các đoạn ven sông, suối, hồ trong khu vực, xây tường chắn tại các khu vực có nguy cơ sạt lở.

#### 10.3. Quy hoạch giao thông

##### a. Hệ thống đường vành đai:

- Đường vành đai thành phố Biên Hòa: Đoạn đi qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp I - II, quy mô xây dựng từ 4 - 6 làn xe, lộ giới 80m.

- Đường vành đai 4: Đoạn đi qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A vận tốc thiết kế 100km/h, quy mô từ 6 - 8 làn xe có đường song hành 2 bên.

##### b. Hệ thống đường tỉnh

- Đường tỉnh 761: Điểm đầu từ đường tỉnh 767 và kết thúc tại xã Phú Lý. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, lộ giới 45m.

- Đường 762, đường 767: Đoạn qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, lộ giới 45m.

- Đường Tỉnh 768: Đoạn qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu, điểm đầu từ ranh thành phố Biên Hòa và kết thúc tại đường tỉnh 767, quy hoạch chia làm 2 đoạn:

Đoạn 1 (từ ranh thành phố Biên Hòa đến cầu Thủ Biên), lộ giới 24m; đoạn 2 (từ cầu Thủ Biên đến đường tỉnh 767), lộ giới 45m.

- Đường Đồng Khởi: Đoạn đi qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị, lộ giới 30m.

- Đường Đoàn Văn Cừ (Đường vào nhà máy nước Thiện Tân), đường tỉnh 776 (Xuân Bắc – Thanh Sơn): Đoạn qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, lộ giới 32m.

- Đường ven hồ Trị An: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, lộ giới 32m.

- Đường tỉnh 768B: Đây là tuyến mở mới đoạn đi qua địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị, lộ giới 30m.

#### c. Hệ thống đường Huyện:

- Đường Hương lộ 9, Hương lộ 7, Hương lộ 15, đường Tân Hiến, đường Bình Hòa - Cây Dương, đường Bình Lục - Long Phú, đường ấp 3 Tân An, đường Long Chiến, đường Bình Chánh, đường Sở Quýt - Sở Quýt nối dài, đường ranh thị trấn Vĩnh An, đường Bến Xúc, đường Ông Bình (đường Bình Lợi - Tân Bình - Thanh Phú), đường Bàu Tre, đường Bùng Bình, đường 322A, đường 322B: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, lộ giới 32m.

- Đường cộ Cây Xoài, đường Vĩnh Tân - Cây Điệp: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, lộ giới 45m.

- Đường Trị An - Vĩnh Tân: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp V, lộ giới 32m.

- Đường 768 nối dài: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị (cập nhật theo quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Thị trấn Vĩnh An): Đoạn 1 (từ ĐT768 đến ĐT767), lộ giới 21,50m; đoạn 2 (từ ĐT767 đến ĐT762, lộ giới 21m.

#### d. Hệ thống đường xã:

- Mạng lưới giao thông đường xã trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy hoạch từ nay tới năm 2030 tuân thủ theo quy hoạch giao thông nông thôn mới, cấp đường tối thiểu đạt loại A nông thôn.

- Từng bước phân đầu đến năm 2030 đạt 100% nhựa hóa đường xã.

#### e. Hệ thống giao thông đô thị tại thị trấn Vĩnh An:

- Tuân thủ theo Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 của thị trấn Vĩnh An đã được phê duyệt.

- Từng bước nâng cấp cải tạo các trục đường giao thông trong thị trấn kết hợp với đồng bộ hóa hạ tầng kỹ thuật ngầm (điện, nước, ...).

#### g. Bến bãi:

- Bến xe:

+ Nâng cấp bến xe tại thị trấn Vĩnh An nằm trên đường tỉnh 767 với quy mô 1ha, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2.

+ Nâng cấp bến xe tại xã Thiện Tân nằm trên trục đường tỉnh 768 với quy mô 2,20ha, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2.

+ Nâng cấp bến xe tại xã Phú Lý đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4.

- Bãi đỗ xe: Với 3 bến xe quy hoạch tập trung trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu sẽ dành khoảng 5 - 10% diện tích đất trong bến xe để các doanh nghiệp vận tải hành khách hợp đồng đỗ xe. Bố trí các bãi đỗ xe tạm thời, bãi đỗ qua đêm, bãi đỗ tại các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện, tại các nút giao thông chủ chốt,...

#### h. Giao thông công cộng:

- Định hướng phát triển giao thông công cộng bằng phương tiện xe buýt là chủ yếu. Các tuyến xe buýt được tổ chức thông qua các trục giao thông chính trên địa bàn huyện (đường tỉnh, đường huyện ...) kết nối giữa các khu vực bao gồm các bến xe nội huyện và ngoại huyện.

#### i. Nút giao thông: Đề xuất một số nút giao thông quan trọng:

- Nút giao giữa đường vành đai 4 với đường tỉnh 768: Nút giao dạng hoa thị.

- Nút giao giữa đường vành đai 4 với đường tỉnh 767 và đường Bến Xúc: Nút giao cầu vượt.

- Nút giao giữa đường vành đai thành phố Biên Hòa với các trục đường Tỉnh, đường huyện theo hình thức vòng xoay ( $R = 10 - 30m$ ) hoặc có thể kết hợp với đèn tín hiệu giao thông.

#### k. Công trình cầu:

- Các công trình cầu trên địa bàn huyện được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

- Đối với cầu qua sông Đồng Nai trên tuyến đường vành đai 4, đường vành đai thành phố Biên Hòa được xây dựng với tải trọng tối thiểu HL93.

- Đối với một số cầu thuộc địa bàn huyện (cầu Hiếu Liêm trên tuyến đường vào bến phà Hiếu Liêm, cầu qua rạch Tân Triều trên tuyến đường tổ 8 ấp Bình Lục...) được xây dựng với tải trọng tối thiểu 0,5HL93.

#### l. Giao thông đường thủy:

- Luồng thủy:

+ Quan trọng khai thác trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu là sông Đồng Nai, dọc theo ranh giới giữa huyện Vĩnh Cửu và tỉnh Bình Dương. Trong phạm vi huyện Vĩnh Cửu tuyến có chiều dài khoảng 49km.

+ Luồng thủy lòng hồ Trị An (quy mô nhỏ).

- Bến thủy và vận tải đường thủy:

+ Tuyến Biên Hòa – Vĩnh Cửu liên kết thành phố Biên Hòa với huyện Vĩnh Cửu và tỉnh Bình Dương.

+ Tuyến thượng nguồn sông Đồng Nai từ hồ Trị An đến xã Phú Ngọc, huyện Định Quán.

+ Tuyến lòng hồ Trị An.

- Vận tải hành khách bao gồm:

+ Tuyến Biên Hòa – Bình Hòa.

+ Các tuyến đò dọc: Thiện Tân – Bình Hòa.

+ Các bến đò ngang: Bình Hòa, Thới Sơn, Bình.Lục, Lợi Hòa, Bình Ninh, Bà Miêu, ấp 6 – 7, Đại An.

- Theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sông tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu bao gồm các loại cảng trên sông Đồng Nai và lòng hồ Trị An:

Stt	Loại cảng	Tên cảng sông quy hoạch
1	Xăng dầu	Xã Tân Bình
2	Bến hành khách	Xã Tân Bình
3	Bách hóa	Xã Thiện Tân (Cont + ximăng)
4	Vật liệu xây dựng	Xã Thiện Tân (cát, đá, đất đỏ, puz)
5		Tân An (đất đỏ)
6	Tổng hợp	Trị An (TT Vĩnh An)
7		Áp 2 (xã Mã Đà)
8		Sa Mách (xã Phú Lý)

#### 10.4. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp điện chính cho vùng huyện Vĩnh Cửu là nguồn điện lưới Quốc gia qua các tuyến và trạm biến thế 500kV, 220kV, 110kV. Nguồn điện tại chỗ là nhà máy điện Trị An.

- Nguồn cung cấp điện cho dân cư và các khu lân cận, và trong tương lai các khu công nghiệp với diện tích quy mô lớn cần phải xây dựng các trạm 110kV riêng để đảm bảo cấp điện cho khu công nghiệp.

- Lưới điện: Nâng cấp mở rộng, đầu tư xây dựng mới các trạm biến thế và các tuyến 500kV, 220kV, 110kV đảm bảo công suất cung cấp, vị trí xây dựng mới phù hợp theo quy hoạch ngành và có tính toán dự phòng cho phát triển ở giai đoạn sau.

#### 10.5. Quy hoạch cấp nước:

a. Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho khu vực Huyện Vĩnh Cửu chủ yếu là từ nước mặt Sông Đồng Nai kết hợp nước ngầm khoan tại chỗ và các nguồn cấp theo đồ án quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

b. Giải pháp quy hoạch cấp nước:

- Khu vực nông thôn:

+ Hạn chế khai thác nguồn nước ngầm, cần quan tâm ưu tiên khai thác nước mặt.

+ Tại các điểm dân cư tập trung, kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm mỗi xã cần xây dựng 01 trạm cấp nước sạch quy mô nhỏ, khai thác nước ngầm đủ phục vụ cho 1 cụm dân cư (xây dựng theo quy hoạch các xã nông thôn mới).

+ Tại các vùng dân cư rải rác chưa có điều kiện cấp nước máy, triển khai chương trình nước sạch nông thôn tập trung lắp đặt các hệ thống lọc nước hộ gia đình.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt  $\geq 97\%$ .

- Các khu đô thị: Khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có, mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước phù hợp với sự phát

triển của các đô thị trong giai đoạn đầu và có định hướng cho giai đoạn sau. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100%.

- Khu, cụm công nghiệp: Tùy theo điều kiện thực tế của từng khu, cụm công nghiệp sẽ thực hiện đầu nối với các nhà máy cấp nước tập trung hiện có hoặc đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch .

#### **10.6. Quy hoạch thoát nước thải:**

a. Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị:

+ Đối với đô thị đang sử dụng hệ thống công chung: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa chung (có công bao tách nước thải với nước mưa), xây dựng các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý đồng thời xây dựng mới hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng). Có trạm xử lý cho các khu vực xây dựng mới.

+ Nước thải các bệnh viện, trung tâm y tế lớn cần phải được xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế và khử trùng trước khi xả ra sông rạch hoặc vào hệ thống công của đô thị.

+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị phải được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định theo QCVN14-2008/BTNMT trước khi xả ra nguồn.

+ Nước thải từ các khu vệ sinh trong các khu dân cư, các công trình công cộng nhất thiết phải được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại và phải được thu gom bằng đường công riêng hoặc công bao thoát ra hệ thống công của đô thị

- Thoát nước thải các khu, cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng), xây dựng trạm xử lý nước thải cho các khu Công nghiệp tập trung trong từng dự án. Nước thải ở các khu công nghiệp tập trung phải được xử lý đạt loại B của QCVN40-2011/BTNMT ..., trước khi xả ra nguồn (với những khu vực nguồn tiếp nhận là khu vực khai thác nước mặt cho nhu cầu cấp nước thì phải xử lý đạt loại A). Nước thải của các cụm công nghiệp, nhà máy có mức độ độc hại cao cần phải được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xử lý tập trung.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn:

+ Các cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung , Xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên.

+ Các cụm dân cư sống phân tán: Vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự hoại, tự thấm, dội nước hợp vệ sinh.

+ Thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông, suối chảy qua các khu dân cư để thoát nước được dễ dàng.

b. Tổng hợp các giải pháp ưu tiên thực hiện: Để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong vùng quy hoạch, ĐMC kiến nghị ưu tiên thực hiện các giải pháp:

- Trong giai đoạn triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án thuộc quy hoạch hơn đều phải lập báo cáo ĐTM chi tiết để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đặc biệt chú ý đến các dự án lớn như khu công nghiệp và khu đô thị, dự



án du lịch sinh thái, các dự án cơ sở hạ tầng chính (giao thông; khu xử lý rác, cấp thoát nước).

- Về các giải pháp kỹ thuật để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu:

+ Trên cơ sở Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng của ngành, địa phương.

+ Thực hiện tốt phương án quy hoạch, bảo tồn nghiêm ngặt các khu bảo tồn sinh thái, vườn quốc gia giúp tăng khả năng thoát nước, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu.

+ Có các biện pháp chuẩn bị kỹ thuật, tạo hành lang cây xanh cách ly đối với các khu đô thị ở vùng trũng, ven sông.

- Đối với các khu quy hoạch xử lý chất thải, ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ xử lý tiên tiến. Hạn chế tỷ lệ chôn lấp < 15%.

- Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

c. Công suất và vị trí các trạm xử lý nước thải:

- Đối với khu, cụm công nghiệp: Trạm xử lý được xây dựng ngay trong khu, cụm công nghiệp, nước thải công nghiệp được làm sạch đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT sẽ cho thoát chung với cống nước mưa ra ngoài.

- Đối với các khu đô thị:

+ Đô thị Vĩnh An: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 4.800m<sup>3</sup>/ngày đặt cạnh suối Cạn, phía Tây thị trấn (theo quy hoạch chung thị trấn Vĩnh An được duyệt).

+ Đô thị Thạnh Phú: Xây dựng trạm xử lý tập trung công suất đến năm 2020: 6.700 m<sup>3</sup>/ngày, đến năm 2030 là 8.400m<sup>3</sup>/ngày.

+ Đô thị Phú Lý: Xây dựng trạm xử lý tập trung công suất đến năm 2020: 1.000 m<sup>3</sup>/ngày, đến năm 2030 là 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

### **10.7. Quản lý chất thải rắn:**

- Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân với quy mô khoảng 80ha (theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai được duyệt).

- Chất thải rắn trong vùng gồm: Chất thải rắn sinh hoạt (tại đô thị, nông thôn); chất thải rắn công nghiệp; chất thải rắn y tế; chất thải rắn công cộng... được phân loại triệt để tại nguồn theo đúng tính chất, thu gom vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn đã có và các khu quy hoạch mới để xử lý.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, bố trí các trạm trung chuyển và tăng cường trang thiết bị phục vụ vận chuyển.

### **10.8. Nghĩa trang:**

- Khuyến khích hình thức hung táng để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm, chất lượng khí thải từ các lò đốt xác cần được kiểm soát nghiêm ngặt để đảm bảo đạt tiêu chuẩn phát thải cũng như tránh phát sinh các khí độc hại.

- Từng bước giải tỏa di dời nghĩa trang nằm rải rác hiện nay vào các nghĩa trang theo quy hoạch hệ thống nghĩa trang của tỉnh Đồng Nai.

- Các nghĩa trang phải được bố trí xa khu dân cư, xa nguồn nước, đảm bảo khoảng cách ly đến các đô thị theo quy chuẩn xây dựng đã ban hành.

### **10.9. Quy hoạch mạng lưới thông tin truyền thông**

a. Định hướng quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Sử dụng mạng đa dịch vụ; mở rộng mạng thông tin di động; phát triển các dịch vụ mạng thông tin di động, công nghệ thông tin thế hệ sau.

- Tiếp tục mở rộng tận dụng các host và tổng đài vệ tinh ở những chỗ chưa có yêu cầu dịch vụ mới. Nâng cấp các tổng đài vệ tinh có giao thức ATM/IP tại những vùng mạng có nhu cầu dịch vụ mới.

- Thiết bị truy nhập thuê bao phải có khả năng cung cấp đa dịch vụ như thoại, truyền số liệu, thuê kênh riêng tốc độ cao, các loại hình dịch vụ băng rộng IP và ATM IP cho thuê bao.

b. Nguồn đầu nối và truyền dẫn:

- Nguồn thông tin liên lạc được đầu nối tại các trạm viễn thông của các nhà mạng trên địa bàn huyện.

- Mạng truyền dẫn thế hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản đảm bảo tính linh hoạt, độ sẵn sàng cao có khả năng ứng cứu nhánh, kịp thời khi có sự cố dễ dàng nâng cấp, mở rộng dung lượng và khiên khai dịch vụ.

- Mạng cần đảm bảo tính kế thừa, tận dụng triệt để mạng truyền dẫn hiện có, đảm bảo chất lượng truyền dẫn cho mọi loại hình dịch vụ.

### **11. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường**

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên. Khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, kiểm soát hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Bảo vệ hệ sinh thái và phát triển rừng đầu nguồn và thảm thực vật rừng phòng hộ, tăng cường các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ quỹ rừng, các hệ sinh thái đặc trưng.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn ...

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung, khu khai thác khoáng sản...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch

vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

## **12. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện**

### **12.1. Danh mục dự án đầu tư và giai đoạn thực hiện**

a. Giai đoạn đến năm 2020:

- Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ gắn kết hạ tầng kỹ thuật cấp vùng và cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình hình thành đô thị và xây dựng nông thôn mới.

b. Giai đoạn sau năm 2020 đến 2030:

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại đô thị Vĩnh An phù hợp định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện;

- Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ tại các khu vực xã Thanh Phú và xã Phú Lý nhằm chuẩn bị cho quá trình hình thành đô thị Thanh Phú và đô thị Phú Lý vào năm 2030.

- Huy động nguồn lực từ nhân dân, kết hợp nguồn vốn ngân sách tiếp tục xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.

c. Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050:

- Tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia và cấp khu vực.

### **12.2. Nguồn vốn đầu tư:**

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách.

- Nguồn vốn từ huy động các thành phần kinh tế, gồm:

+ Nguồn vốn FDI, ODA.

+ Nguồn vốn tín dụng nhà nước.

+ Nguồn vốn của doanh nghiệp và của nhân dân.

## **13. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng:**

Được ban hành kèm theo quy định cụ thể nguyên tắc phát triển; việc quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị và nông thôn, khu vực đặc thù,... trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định; xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc thị trấn Vĩnh An;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, để cụ thể hóa điều Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình điểm nhấn và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu quản lý quy hoạch xây dựng khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Các sở ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu triển khai thực hiện cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

